TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **181/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

2. Ông **Ngô Văn Thi**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn An P. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th,** sinh năm 1985;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Lô 5, Khu dân cư ấp Tân K, thị trấn L B, huyện An P, tỉnh An Giang.

(Bà Th có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Th nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H với nội dung như sau: Hôn nhân của bà và ông H được hình thành là do tự tìm hiểu nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2007, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên gây cải và ông H bỏ gia đình đi từ tháng 11/2008 đến nay, bà và ông H cũng không liên lạc từ

thời gian đó. Từ đó hai người ly thân nhau cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông H.

Trong quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/9/2008, hiện bà đang nuôi, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có nợ ai cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông H và bà Th để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Th bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Bà Th và ông H là vợ chồng và có 01 con chung, hiên con chung đang được bà Th nuôi dạy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và xác định ông H và bà Th không còn sống chung nhau và không liên lạc từ tháng 11/2008 đến nay, do đó Tòa án giải quyết và thụ lý yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của ông H, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông H không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về hôn nhân giữa bà Th và ông H được hình thành trên cơ sở tự tìm hiểu nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến hành tổ chức đám cưới vào năm 2007 và hai người sống chung nhau từ thời gian đó. Do bà Th trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn cũng phù hợp với giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Long B, huyện An P, do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp, bà Th có yêu cầu giải quyết xin ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, ông H vắng mặt nhưng lời khai của bà Th là phù hợp với biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2017, ông Nguyễn Văn G là em ruột của ông H trình bày: Hôn nhân giữa ông H và bà Th là tự tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới, hai người có với nhau 01 con chung là cháu T. Không rõ nguyên nhân mâu thuẫn ra sao mà hai người đã không chung sống với nhau cách đây khoảng 7 - 8 năm. Từ lúc bỏ đi thì ông H cũng về gia đình, gần đây nhất là vào dịp Tết 2016 có về chơi vài ngày rồi lại đi.

[4] Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017, bà Đỗ Thị Ph là mẹ ruột của bà Th: Hiện nay ông H và bà Th không còn chung sống với nhau từ năm 2009, ông H tự bỏ đi, có khi về địa phương nhưng không thăm vợ con và không trách nhiệm gì với con của mình, ngoài ra lúc chung sống đi làm thuê kiếm tiền được thì cờ bạc, không phụ giúp gia đình, bà Th có khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi.

[5] Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*." Do đó việc xác minh nơi cư trú của ông H cho thấy ông vẫn còn hộ khẩu ở địa phương và cũng thường đi và về nhà do đó Tòa án niêm yết theo quy định khoản 05 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông H.

[6] Về quan hệ con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/9/2008 từ lúc sinh ra đã được bà Th nuôi, từ lúc bà Th và ông H không sống chung cháu vẫn ở với mẹ và do mẹ nuôi dạy, để đảm bảo quyền lợi ích của trẻ em được quy định tại khoản 3, Điều 5 Luật trẻ em 2016 thì Tòa án nghĩ nên giao cháu T cho bà Th tiếp tục nuôi dạy và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là được sống với mẹ.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Tại phiên tòa, bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên công nhận sự tự định đoạt của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà Th biết: Bà Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Th khai không có, tuy nhiên do ông H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này

ông H có chứng cứ khác về tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] Tại phiên tòa hôm nay bà Th trình bày không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử tôn trọng và ghi nhận sự tự nguyện của của bà Th.

[9] Về án phí: Bà Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án 2009;

Xử: **Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.**

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/9/2008 cho bà Nguyễn Thị Th nuôi.

Bà Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005522 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà Th đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2017) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- UBND TT Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Phong Phi